

Bản án số: 91/2022/HS-ST
Ngày: 16- 11- 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Thẩm phán: Ông Lê Vũ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Đáng.
2. Ông Dương Quốc Tuấn.
3. Ông Nguyễn Quang Tổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Nam và ông Trần Xuân P - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: 3 B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Công ty TNHH MTV V; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như K (đã chết) và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1932; con: Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư của Công ty L4 chi nhánh B2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: A L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Bùi Thị Như Ý, sinh năm 1975. Nơi cư trú: H N, tổ E, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Ông Hồ Nam H1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: 106 Dương Thanh B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Nam H1 là bà Bùi Thị Như Ý. Bùi Thị Như Ý. Có mặt.

- *Bị đơn dân sự:*

Công ty TNHH MTV V. Địa chỉ: H S, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Mộng Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 84 S, Tổ A, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị Mộng Đ và Công ty TNHH MTV V: Bà Đặng Thị Ngọc H2 - Luật sư của Công ty L5 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số E kiệt A P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH MTV V: Ông Bùi Khắc L - Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B đường C khu đô thị V, khu phố E, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị Như Ý: Ông Nguyễn Văn P1 - Luật sư của văn phòng L7 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số C T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bạch Thị Á, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ F, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Phúc K1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm Q, thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Ông Phạm A, sinh năm 1968. Nơi cư trú: H N, tổ E, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Bà Cao Thị Mộng Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 84 S, Tổ A, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị G1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: 20/1221 Nguyễn Tất T1, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Công ty TNHH MTV T8. Địa chỉ: A N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam H1, sinh năm 1964. Nơi cư trú: 106 Dương Thanh B, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm C, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Như X, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn I, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Bùi Thiện Â, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị C1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: 34 N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ I, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
6. Chị Tôn Nữ Thị Kim T2, sinh năm 1974. Nơi cư trú: 1137 N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
7. Chị Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1989. Nơi cư trú: 120 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
8. Chị Trương Thị Mai L1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Kiệt B N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
9. Ông Lê Đình T3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
10. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 1/5 Dương Thanh B, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
11. Bà Bùi Thị L2, sinh năm 1951. Nơi cư trú: 33 N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
12. Anh Trịnh Bảo P2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: 10/158 Dương Thiệu T5, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
13. Chị Ngô Thị B1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
14. Chị Lê Thị Kim L3, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ E, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
15. Anh Trần Văn H3, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Lô D01 nhà liền kề thuộc chợ P3, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
16. Chị Hồ Thị Thùy T6, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
17. Chị Hoàng Lê Thái N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số I N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V (Công ty TNHH MTV V) được hình thành do Nguyễn Văn T mua lại Công ty Cổ phần Đ1. Sau đó, Công ty TNHH MTV V được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 24/12/2015 do Nguyễn Văn T đứng tên Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty và là người đại diện pháp luật của công ty. Đến tháng 5/2016 T bán lại Công ty TNHH MTV V cho bà Cao Thị Mộng Đ và được Chủ sở hữu công ty (bà Cao Thị Mộng Đ) ký hợp đồng lao động, ngày 25/5/2016 bổ nhiệm T vào chức vụ Chủ tịch và là người đại diện pháp luật của công ty, T có trách nhiệm quyền hạn theo Điều lệ

công ty và chịu sự điều hành của Chủ sở hữu công ty. Cụ thể: Điều lệ công ty V quy định chủ sở hữu Công ty, có quyền quyết định đầu tư kinh doanh và quản trị nội bộ công ty. Chủ tịch công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Đối với dự án xây dựng chợ P3, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế: đây là dự án xây dựng mới hoàn toàn chợ dân sinh theo tiêu chuẩn chợ hạng II, phù hợp với quy hoạch Khu trung tâm thị xã H. Ngày 25/01/2016, UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND với nội dung phê duyệt phương án quản lý, kinh doanh, khai thác chợ P3 do Công ty cổ phần Đ1 làm chủ đầu tư. Sau khi, T mua lại Công ty cổ phần Đ1 và thành lập Công ty TNHH MTV V - Phú Bài H thì Công ty TNHH MTV V tiếp tục là đơn vị triển khai thực hiện dự án này.

Ngày 20/4/2017, Công ty TNHH MTV V được UBND tỉnh T ký hợp đồng cho thuê 16.838 m² đất tại H S, phường P, thị xã H, Thừa Thiên Huế với thời hạn thuê đất đến ngày 03/6/2060 để làm dự án xây dựng chợ P3. Quy mô chợ có 404 điểm kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 10/10/2016. Công ty được quyền tổ chức kinh doanh khai thác, quản lý chợ dưới hình thức doanh nghiệp theo quy định pháp luật về các hoạt động: Tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại chợ, ký hợp đồng với các thương nhân về thuê điểm kinh doanh tại chợ và quản lý các nguồn thu từ các hoạt động nói trên. Sau khi xây dựng xong một số hạng mục và chợ P3 từng bước đi vào hoạt động.

Tháng 10/2016, bà Cao Thị Mộng Đ đồng ý và giao cho T nhiệm vụ ký hợp đồng giao quyền quản lý, khai thác toàn bộ mặt bằng điểm kinh doanh chợ P3 cho Công ty TNHH D 24 giờ, thời hạn 06 năm, kể từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 10 năm 2022. Hợp đồng thể hiện Công ty TNHH D 24 giờ được quyền quản lý và thu các khoản thu, các loại phí từ việc khai thác hoạt động chợ, trong đó chủ yếu là phí trông giữ xe, phí hoa chi, tiền điện nước. Qua đó, Công ty TNHH D 24 giờ chuyển trước 300.000.000đồng cho Công ty TNHH MTV V để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng và hằng tháng nộp cho Công ty TNHH MTV V 40.000.000đồng. Sau khi, hợp đồng giao khoán được ký kết Công ty TNHH D Bình 24 giờ và Công ty TNHH MTV V đã tiến hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà hợp đồng nêu ra.

- Hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T:

Tháng 1/2018, Nguyễn Văn T (lúc này đang giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV V) cần tiền sử dụng mục đích cá nhân, nên bịa đặt ra thông tin muốn có tiền đầu tư chợ tại thành phố Hà Nội để mượn 800.000.000đồng của bà Bùi Thị Như Ý. Bà Ý là tiểu thương kinh doanh tại chợ P3 và biết T là Chủ tịch Công ty TNHH MTV V nên tin tưởng cho T vay. T viết 03 giấy mượn tiền với số tiền 800.000.000đồng và giao cho bà Ý giữ. Do thấy T thường xuyên vắng mặt tại Công ty nên tháng 8/2018 bà Ý nhiều lần đến Công ty TNHH MTV V để đòi nợ. Lúc này T không có tiền để trả nợ nên đưa ra cam kết và thỏa thuận với bà Ý là sẽ giao quyền quản lý, khai thác chợ P3 cho bà Ý vào cuối năm 2018 khi thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH D 24 giờ; hợp đồng với bà Ý trong thời gian 10 năm, trị giá hợp đồng là 3.600.000.000đồng. T yêu cầu bà Ý chuyển tiền theo giá

trị hợp đồng trước cho T và Công ty TNHH MTV V sẽ xác nhận số tiền khi chính thức ký hợp đồng giao khoán. Đối với số tiền 800.000.000đồng T đã mượn trước đó T và bà Ý thống nhất sẽ chuyển thành tiền thanh toán hợp đồng giao khoán khi chưa được bà Đ đồng ý, phê duyệt. Sau khi hai bên đồng ý thỏa thuận và chuyển số tiền 800.000.000đồng T nợ thành tiền hợp đồng giao khoán chợ P3; từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018 bà Ý 04 lần giao tiền mặt cho T tại Văn phòng của công ty với số tiền 1.240.000.000đồng (lần thứ nhất 400.000.000đồng, lần thứ hai 300.000.000đồng, lần thứ ba 300.000.000đồng, lần thứ tư 240.000.000đồng).

Về phía bà Ý do quen biết từ trước với ông Hồ Nam H1, trú tại 106 Dương Thanh B, thị xã H, Thừa Thiên Huế, là người đại diện pháp luật Công ty T8, đứng tên Chủ sở hữu công ty với chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty, nên cuối tháng 10/2018, bà Ý thỏa thuận với ông H1 cùng nhau góp vốn để thực hiện quản lý khai thác chợ P3 thì ông H1 đồng ý. Khi gặp T trao đổi, T thông tin việc thực hiện quản lý khai thác chợ sẽ có lãi 80.000.000đồng/ tháng thì bà Ý và ông H1 thống nhất với T sẽ cùng góp vốn với tỷ lệ 50:50, sử dụng pháp nhân Công ty T8 để ký hợp đồng giao khoán. Biết bà Ý và ông H1 đã hoàn toàn tin tưởng mình nên sáng ngày 11/11/2018 T nhờ Nguyễn Phúc K1, trú tại thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương là cháu rể T, được T nhận vào làm việc tại Ban P3 từ ngày 14/7/2018, không ký hợp đồng lao động, soạn thảo và in hợp đồng giao khoán số 01/2018 và giấy hẹn bàn giao chợ. Nội dung hợp đồng giao khoán thể hiện Công ty T8 được quyền quản lý và thu các khoản thu, các loại phí từ việc khai thác hoạt động chợ, trong đó chủ yếu là phí trông giữ xe, phí hoa chi, tiền điện nước. Sau khi K1 đánh xong, T đại diện Công ty TNHH MTV V ký với Công ty T8 hợp đồng giao khoán số 01/2018 và T cũng ký giấy hẹn bàn giao chợ, ghi kể từ ngày 05/3/2019, những việc này T không báo cáo và không được Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV V là bà Cao Thị Mộng Đ phê duyệt và tại thời điểm này thì Công ty TNHH D Bình 24 giờ vẫn đang thực hiện quản lý, khai thác chợ P3 hợp pháp.

Sau khi ký hợp đồng bà Ý thỏa thuận với ông H1 số tiền chuyển giao cho Nguyễn Văn T để nhận quyền khai thác chợ thì bà Ý sẽ góp 3.000.000.000đồng, ông H1 góp 600.000.000đồng.

Ngày 15/11/2018, bà Ý tiếp tục chuyển 50.000.000đồng và ngày 20/11/2018 chuyển 10.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của T. Như vậy, đến thời điểm này T đã nhận từ bà Ý số tiền 2.100.000.000đồng, bà Ý thỏa thuận sẽ chuyển thêm tiền cho T để đủ 3.000.000.000đồng, do đó T đã ký 02 phiếu thu ngày 01/12/2018 của Công ty TNHH MTV V, gồm: 01 phiếu thu 1.800.000.000đồng nội dung thu tiền Phạm A (chồng bà Ý) theo hợp đồng số 01/2018 và 01 phiếu thu 1.200.000.000đồng nội dung thu tiền Hồ Nam H1 theo hợp đồng số 01/2018 (để phù hợp tỷ lệ góp vốn 50:50 giữa H1 và Ý như nội dung hợp đồng giao khoán), khi nhận các phiếu thu này thì bà Ý đưa lại cho T 03 giấy mượn tiền 800.000.000đồng T viết trước đây.

Về phía ông Hồ Nam H1 đã giao tiền mặt cho Nguyễn Văn T 200.000.000đồng và chuyển khoản 400.000.000đồng vào tài khoản Ngân hàng A1 của T. T đã ký 03 phiếu thu vào ngày 06/12/2018 của Công ty TNHH MTV V (mỗi phiếu 200.000.000đồng) với nội dung thu tiền Hồ Nam H1 theo hợp đồng

số 01/2018. Để làm tin việc T nhận số tiền 2.100.000.000đồng của bà Ý và 600.000.000đồng của ông H1, T ký 01 hợp đồng thế chấp tài sản (không có công chứng) là 1.000 m² đất trống và 300 m² ki - ốt B tầng 2 tại chợ P3 cho Công ty T8 đảm bảo nghĩa vụ dân sự 2.700.000.000đồng để đưa cho bà Ý giữ nhằm mục đích để bà Ý và ông H1 tin tưởng chuyển tiếp số tiền còn lại của hợp đồng là 900.000.000đồng.

Sau khi, ký hợp đồng thế chấp bà Ý đã giao 900.000.000đồng còn lại cho T, cụ thể như sau: giao 400 triệu đồng tiền mặt cho T tại Công ty TNHH MTV V vào ngày 10/01/2019; bán lại lô D08-NLK tại chợ P3 cho T với giá 400.000.000đồng vào ngày 15/01/2019 (không thanh toán tiền mặt, chuyển thành tiền hợp đồng giao khoán 01/2018); chuyển 35.000.000đồng T cho bà Tôn Nữ Thị Kim T2 thuê 02 lô bãi giữ xe nằm trong phần diện tích lô MTB mà bà Ý đã mua tháng 12/2018 thành tiền hợp đồng giao khoán số 01/2018; cam kết trả nợ thay T số tiền 65.000.000đồng cho bà Phạm Thị G1.

Đối với số tiền đã chiếm đoạt của bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 thì T không chuyển về Công ty mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá thời hạn giao quyền quản lý, khai thác chợ P3 ghi trong hợp đồng giao khoán là ngày 05/3/2019, Nguyễn Văn T không thực hiện được việc giao quyền quản lý khai thác chợ và T vắng mặt tại Công ty TNHH MTV V nên bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 đã viết đơn tố cáo T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Thu giữ do bà Cao Thị Mộng Đ giao nộp:

+ Hợp đồng giao khoán quản lý, khai thác điểm kinh doanh chợ P3 giữa Công ty V với Công ty D năm 2016 (bản sao);

+ Hợp đồng lao động ngày 25/5/2016 do Chủ sở hữu Công ty ký với Nguyễn Văn T (bản sao, đóng dấu Công ty V);

+ Điều lệ Công ty V (bản sao, có chứng thực);

+ Sao kê tài khoản số 55610000110520 Ngân hàng BIDV của Công ty V từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019 (bản chính của Ngân hàng B3);

+ Sổ quỹ tiền mặt của Công ty V năm 2018 và năm 2019 (bản sao, có dấu Công ty V);

- Thu giữ do bà Bùi Thị Như Ý giao nộp:

+ Hợp đồng giao khoán quản lý khai thác điểm kinh doanh chợ P3 số 01/2018 giữa Công ty V với Công ty T8 (bản gốc);

+ Giấy hẹn thời điểm bàn giao chợ P3 cho Công ty T8 (bản gốc);

+ Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty V với Công ty T8 (bản gốc)

+ Giấy nộp tiền 50 triệu đồng ngày 15/11/2018 của bà Bùi Thị Như Ý vào tài khoản 5500205707980 Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn T (bản gốc);

+ Giấy nộp tiền 10 triệu đồng ngày 20/11/2018 của bà Bùi Thị Như Ý vào tài khoản 5500205707980 Ngân hàng A1 của Nguyễn Văn T (bản gốc);

+ Giấy chứng nhận lô NLK-D08 do Nguyễn Văn T - Chủ tịch Công ty V cấp cho Bùi Thị Như Ý ngày 10/5/2018 (bản gốc);

+ Phiếu thu số tiền 1,8 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Phạm A theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);

+ Phiếu thu số tiền 1,2 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc, mặt sau phiếu thu có xác nhận của Hồ Nam H1 về số tiền 1,2 tỷ đồng này là số tiền góp vốn của vợ chồng Ý - Anh);

- Thu giữ do ông Hồ Nam H1 giao nộp:

+ 03 (ba) phiếu thu ngày 06/12/2018 của Công ty V, nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);

+ Phiếu thu số tiền 1,2 tỷ đồng ngày 01/12/2018 của Công ty V nội dung thu tiền của Hồ Nam H1 theo hợp đồng giao khoán số 01/2018 (bản gốc);

- Thu giữ do Nguyễn Văn T giao nộp:

+ Biên bản thỏa thuận trả lại lô D08-NLK ngày 15/01/2019 (bản sao, có ký xác nhận của Nguyễn Văn T);

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114;

- Thu giữ do bà Tôn Nữ Thị Kim T2 giao nộp:

Hợp đồng thuê lô MTB 01-02 mặt tiền đường S ngày 01/7/2018 giữa Công ty V với bà Tôn Nữ Thị Kim T2, 02 phiếu thu 20 triệu đồng và 12 triệu đồng của Công ty V theo hợp đồng thuê lô MTB 01-02 (bản sao, có chữ ký xác nhận của bà T2);

- Thu giữ do bà Phạm Thị G1 giao nộp:

Giấy chứng nhận lô trái cây 14 do Nguyễn Văn T - Chủ tịch Công ty V cấp cho bà Phạm Thị G1 ngày 27/01/2019 (bản gốc);

Về phần giám định:

+ Ngày 25/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định số 159/QĐ-CSKT trung cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định hình dấu của Công ty TNHH MTV V và chữ ký của Nguyễn Văn T đối với tài liệu vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 708/GĐ ngày 17/12/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh T, kết luận: (1) chữ ký mang tên Nguyễn Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến 49 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M6 do cùng một người ký ra; (2) Hình dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến 49 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M5 đến M8 do cùng một con dấu đóng ra;

+ Ngày 09/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định số 125/QĐ-CSKT trung cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định kỹ thuật số và điện tử về khôi phục trích xuất dữ liệu tin nhắn SMS đối với 01 điện thoại di động

Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114 do Nguyễn Văn T giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 529/GĐ ngày 08/10/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh T, kết luận: tìm thấy và trích xuất 214 tin nhắn SMS được lưu trong máy điện thoại. Chi tiết thể hiện trong 01 phụ lục tin nhắn SMS gồm 22 trang giấy khổ A4 kèm theo.

Về xử lý vật chứng: Tài liệu đồ vật là giấy tờ, văn bản Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án; đối với chiếc điện thoại N1 do Nguyễn Văn T giao nộp được niêm phong chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 yêu cầu Công ty TNHH MTV V bồi thường số tiền 3.600.000.000 đồng bị T chiếm đoạt, hiện nay chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 24/3/2012, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 13 năm tù đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Công ty TNHH MTV V bồi thường số tiền 3.000.000.000 đồng cho bà Bùi Thị Như Ý và số tiền 600.000.000 đồng cho ông Hồ Nam H1. Theo phần bị cáo Nguyễn Văn T 50%, Công ty TNHH MTV V 50%.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại Nokia, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Về thời điểm vay, số lần vay 800.000.000 đồng là không chính xác, đây là quan hệ dân sự, các lần giao tiền, thời điểm giao tiền chỉ dựa vào lời khai của bà Bùi Thị Như Ý, không có chứng cứ chứng minh bà Ý đã giao cho Nguyễn Văn T 3.000.000.000 đồng. Bị cáo T không phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên”, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị Như Ý trình bày: Bị cáo bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa thỏa đáng, liên quan trực tiếp đến trách nhiệm bồi thường. Bị cáo khẳng định chủ sở hữu là bà Cao Thị Mộng Đ biết việc bị cáo ký hợp đồng giao khoán số 01 năm 2018. Căn cứ Điều 87 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH MTV V bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH MTV V trình bày: Bị cáo lập hợp đồng giao khoán là vượt thẩm quyền theo Điều lệ của công ty. Hợp đồng giao khoán không có sự tham gia của cá nhân bà Ý và ông H1. Do đó, Công ty TNHH MTV V không có trách nhiệm bồi thường.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh của bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Số tiền còn nợ của bà Bùi Thị Như Ý là 3.200.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền thua cá độ bóng đá với vợ chồng bà Ý, sau đó do bị ép buộc nên phải lập hợp đồng giao khoán chợ P3, chỉ nhận của ông Hồ Nam H1 400.000.000 đồng, khi ký hợp đồng giao khoán thì chủ sở hữu là bà Cao Thị Mộng Đ có biết việc ký kết. Qua lời khai của bị hại, bị đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; cùng các tài liệu chứng cứ khác của vụ án; có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 01 năm 2019, tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Văn T lợi dụng đang giữ chức Chủ tịch và là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV V để tự mình đưa ra nhiều thông tin gian dối về việc chuyển nhượng quyền quản lý, khai thác chợ P3 để bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 tin tưởng ký hợp đồng giao khoán với T7 rồi giao tiền, tài sản và trừ tiền mượn nợ cho T, số tiền T chiếm đoạt đã tiêu xài vào mục đích cá nhân, cụ thể: chiếm đoạt tiền, tài sản của bà Bùi Thị Như Ý 3.000.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Hồ Nam H1 số tiền 600.000.000 đồng. Không có chứng cứ nào chứng minh lời khai của bị cáo là có nợ tiền bóng đá của bà Ý 3.200.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc đưa ra thông tin gian dối, vượt chức năng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động chân chính, dẫn đến việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” vì bị cáo T chỉ 1 lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản, bị hại giao nhiều lần tiền để đủ số tiền bị cáo nhằm chiếm đoạt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bản thân có thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Bùi Thị Như Ý và ông Hồ Nam H1 có yêu cầu Công ty TNHH MTV V bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Xét thấy, Công ty TNHH MTV V được xác định là bị đơn dân sự do bị hại có yêu cầu bồi thường, tuy nhiên Công ty TNHH MTV V không giúp sức, liên quan, hưởng lợi và không biết bị cáo chiếm đoạt tài sản, nên không có trách nhiệm bồi thường, đồng thời giao dịch chuyển tiền có nhiều khoản bị hại là bà Ý trừ vào tiền nợ cá nhân của bị cáo, trả nợ thay ..., nên cũng biết rằng, các khoản này không liên quan đến Công ty TNHH MTV V. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Bùi Thị Như Ý số tiền 3.000.000.000đồng và bồi thường cho ông Hồ Nam H1 số tiền 600.000.000đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu {72.000.000 đồng + (2% x 1.600.000.000 đồng)} = 104. 000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bà Bùi Thị Như Ý số tiền 3.000.000.000 đồng và bồi thường cho ông Hồ Nam H1 số tiền 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei 1: 358573081499117, số Imei 2: 35857308569114, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (điện thoại này đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 104.000.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT-Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh TT-Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT-Huế;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TT Huế;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo; bị hại; bị đơn dân sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Quang Bình

- *Người bào chữa;*
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;*
- *NCQL&NVLQ;*
- *Lưu HSVA; THS, THCTP.*